
Bản án số: 42/2019/HS -ST
Ngày: 06 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đ Sắc.

Ông Nguyễn Dy T3.

- Thư ký phiên toà: Ông Khuất Tiến Phúc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2019/TLST - HS ngày 23 tháng 7 năm 2019, theo Quyết Đ1 đưa vụ án ra xét xử số:451/2019/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đình D, sinh năm 1976 tại xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Cụm 1, xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Đình Lại (đã chết) và Con bà Phạm Thị Huệ; Vợ Nguyễn Thị Tuyết; Có hai con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 tại xã Đ T1, huyện H1 Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn N, xã Đ T1, huyện H1 Đ, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Mậu và Con bà Nguyễn Thị Chung; Vợ Nguyễn Thị Hồng Hường; Có ba con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Văn N1i, sinh năm 1979 tại xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Cụm 2, xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; N1ề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q

tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Cát và Con bà Đỗ Thị Hóa; Vợ Đỗ Thị Mơ; Có hai con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Nguyễn Dy N1, sinh năm 1992 tại thị trấn Q O, huyện Q O, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ dân phố D N, thị trấn Q O, huyện Q O, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con Nguyễn Dy Hùng và Con bà Triệu Thị Lùng; Vợ Nguyễn Thị Thùy; có hai con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Nguyễn Đ T, sinh năm 1991 tại xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Cụm 2, xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ Phi và Con bà Nguyễn Thị Mai; Vợ Bùi Thị Hương; Có hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo khởi tố tại ngoại và áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

6. Nguyễn Văn T2 (tức T3), sinh năm 1967 tại xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Cụm 1, xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn San (đã chết) và Con bà Nguyễn Thị Phệt (đã chết); Vợ Phan Thị Hải; Có ba con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo khởi tố tại ngoại và áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

7. Phí Đình Đ1, sinh năm 1967 tại xã D4 L, huyện H1 Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 8, xã D4 L, huyện H1 Đ, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phí Đình Mậu (đã chết) và Con bà Văn Thị Nhất; Vợ Nguyễn Thị Yên; Có một con sinh năm 2012; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

8. Phan Văn C, sinh năm 1982 tại xã H2 B, huyện T3 T4, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: xóm C G, xã H2 B, huyện T3 T4, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn Mỹ và Con bà Nguyễn Thị Hợi; Vợ con chưa có; T2 sự: Không.

T2 án: 01 T2 án; Ngày 11/12/2008, bị Toà án nhân dân huyện T3 T4, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng 14 ngày về tội Đánh bạc. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà

Nước. Đến ngày 04/04/2019, Phan Văn C mới nộp xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng và 3.000.000 đồng T2 phạt bổ sung.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 01/04/2019 đến 04/04/2019 được tại ngoại về địa phương; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

9. Nguyễn Đ D, sinh năm 1970 tại xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Cụm 2, xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ Quảng (đã chết) và Con bà Trần Thị Nhâm; Vợ Nguyễn Thị Linh; Có một con sinh năm 1995; Tiên án, T2 sự: Không.

Bị cáo khởi tố tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/4/2019, Nguyễn Văn D đến ăn sáng tại quán nhà Trần Dy Hải ở Bót Đá, thuộc xã H H, huyện P T. Sau khi ăn xong, D có hỏi Hải xem ở đây có địa điểm nào đánh bạc không. Do trước đó, có một số người đến quán ăn nói chuyện tại nhà Đỗ Đình D có đánh bạc, nên Hải gọi điện thoại hỏi Đỗ Đình D có ai đến đánh bạc không, thì Đỗ Đình D nói chưa có. Vì đang thời gian tiệc làng, nên sau khi nghe điện thoại của Hải xong, Đỗ Đình D điện thoại cho Nguyễn Đ D rủ đến nhà mình ăn uống, sau đó đánh bạc.

Đến khoảng hơn 11 giờ, Trần Dy Hải chở Nguyễn Văn D đến nhà Đỗ Đình D uống nước, một lúc sau thì Hải đi về. Sau đó, có Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Đ T đến. Ngồi uống nước một lúc, thì Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Đ T rủ nhau đánh “Tá lả” ăn T2. Huy lấy một bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên bàn uống nước để xuống chiếu đã trải sẵn từ trước tại gian phòng khách, rồi Huy, T, Nghi và Nguyễn Văn D ngồi đánh bạc.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, thì Ngô Văn Chắt, Nguyễn Văn T2 (tức T3), Nguyễn Đ D đến chơi và xem đánh bạc. Lúc này, có Phí Đình Đ1 gọi điện thoại cho Nguyễn Đ D. Do tối ngày 31/3/2019, Nguyễn Đ D có điện thoại rủ Đ1 đến ăn tiệc làng và đánh bạc, nên Nguyễn Đ D nhờ Đỗ Đình D đi đón Đ1. Cùng lúc đó, có thêm Phan Văn C đến nhà Đỗ Đình D. Ngồi uống nước một lúc, Đỗ Đình D nói “*đu chân rồi, xuống chơi đi*”, Nguyễn Văn T2 lấy ba bộ bài chắn có sẵn trên ghế và một chiếc đĩa sứ trên bàn uống nước tại phòng khách để xuống chiếu, rồi T2, C, Đ1 và Nguyễn Đ D cùng ngồi xuống chiếu đánh bạc B hình thức “Đánh Chắn”. Khi bắt đầu chơi

chắn, Đỗ Đình D có chia hộ các con bạc 02 ván đánh chắn, sau đó đi ra ngoài làm việc riêng của gia đình. D chưa nhận được đồng T2 phở nào của các con bạc.

Trong quá trình các đối tượng đánh bạc, thì có Trần Dy Hải, Nguyễn Tiến Minh, Nguyễn Khắc Đạt và Nguyễn Văn Biên đến chơi, uống nước và xem đánh bạc, không có hành vi tham gia gì.

Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, khi các đối tượng đang tham gia chơi bạc thì bị lực lượng Công an huyện P T phát hiện và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Tại chiếu đánh tá lả thu 01(một) bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 quân bài và số T2 trên chiếu là 19.810.000 đồng, số T2 trên người các đối tượng là 4.450.000 đồng; tổng số T2 là 24.260.000 đồng.

- Tại chiếu đánh Chắn: 03 (ba) bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sành sứ và số T2 trên chiếu là 23.800.000đồng, số T2 thu trên người các đối tượng là 13.000.000 đồng; toorngr số T2 là 36.800.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị can khai số T2 sử dụng đánh bạc như sau:

Nguyễn Văn D có khoảng 5.000.000đồng. Quá trình đánh bạc, D sử dụng 2.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng vẫn để trong ví là T2 sinh hoạt hàng ngày, đóng học phí cho các con không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, D bị thu giữ 3.050.000đồng: Trong đó, có 3.000.000đồng ở trong ví, còn 50.000đồng ở trong túi áo đang mặc; Nguyễn Văn Nghị sử dụng 4.500.000 đồng; Nguyễn Dy Huy sử dụng 5.300.000 đồng; Nguyễn Đ T sử dụng 6.900.000 đồng; Nguyễn Văn T2 sử dụng 7.000.000 đồng; Phí Đình Đ1 sử dụng 6.500.000 đồng; Nguyễn Văn C sử dụng 5.000.000 đồng: Trong đó: có 2.000.000đồng là T2 C mang theo, còn 3.000.000đồng là T2 của Đỗ Đình D trả nợ cho C; Nguyễn Đ D sử dụng 10.000.000đồng.

Cách thức các đối tượng chơi đánh bạc như sau:

Đối với chơi đánh Tá lả (còn gọi là đánh Phỏm): Người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, chia mỗi người 09 quân, người đánh trước được 10 quân, còn lại để ở giữa để bốc bài (gọi là bài nọc). Phỏm gồm từ 03 quân bài cùng điểm trở lên hoặc từ 03 quân bài cùng chất liên tiếp trở lên. Ủ tức là người chơi không có quân bài lẻ nào và đủ phỏm. Người chơi sẽ đánh bài theo vòng từ trái qua phải. Người chơi tiếp theo có thể ăn quân bài người đánh trước nếu thấy quân bài đó phù hợp với các quân bài trong phần bài của mình để tạo thành phỏm. Nếu không ăn bài thì có thể bốc bài dưới nọc rồi đánh tiếp. Cứ như vậy cho đến khi hết bài nọc để bốc hoặc có một người chơi ù. Nếu ai không có phỏm thì gọi là móm. Khi không có ai ù thì các người chơi có phỏm sẽ so điểm với nhau, ai có tổng số điểm ít nhất là người

thắng (*về nhất*), tiếp theo là về nhì, về ba và về bét. Tương ứng người về nhì, ba, bét sẽ phải nộp cho người về nhất số T2 là 50.000 đồng, 100.000 đồng và 150.000 đồng. Nếu ai bị móm thì sẽ phải nộp cho người về nhất hoặc bị ăn chốt thì phải nộp cho người ăn được cây chốt số T2 200.000 đồng. Nếu có ai ù thì các con bạc còn lại phải nộp 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong quá trình chơi Tá lả, người chơi thoả H nếu ai được ù thì tự bỏ ra chiếu 50.000đồng T2 chiếu (*Phế*) cho chủ nhà.

Đối với chiếu đánh Chấn: Người chơi dùng ba bộ bài đánh Chấn, mỗi bộ 100 quân để luân phiên sử dụng, chia đều làm 05 phần B nhau. Sau đó, người chơi rút mỗi một phần bài 01 lá bài để vào phần bài bất kì làm nọc, ai ù ván trước thì được bốc cái sẽ rút 01 lá bài bất kỳ ở nọc để vào 01 trong 04 phần bài còn lại, ai được cái sẽ được phần bài đó (20 quân), những người chơi còn lại mỗi người 19 quân, phần bài dùng để bốc nọc là 23 quân để trên mặt đĩa ở giữa chiếu bạc. Khi chơi ai được cái thì được đánh trước, người cửa dưới có thể ăn để ghép thành Chấn hoặc Cạ, nếu không ăn thì người ù ván trước sẽ bốc bài nọc ở đĩa từ dưới lên trên theo vòng về phía bên tay phải, nếu bốc vào cửa của ai thì người đó được ăn bài, không ăn được nhường cho cửa dưới (*Người ngồi cạnh bên tay phải*), cứ như vậy đến khi bài của ai tròn đủ từ 06 chấn trở lên và 04 cạ trở xuống thì ù. Một chấn được tính khi có 02 cây bài cùng đơn vị cùng chất với nhau ghép lại, một cạ được tính khi có 02 cây bài cùng đơn vị nhưng khác chất với nhau. Khi ù người chơi phải hạ bài của mình xuống và tự đọc các cước ù bài của mình cho người chơi nghe và kiểm tra rồi tính điểm, nếu đọc sai, hoặc thừa cước ù thì không được tính. Luật chơi đánh Chấn có nhiều cước ù khác nhau, có thể 01 ván ù được nhiều cước, người nào bốc đúng cửa thì được ưu tiên ù (*Ù cửa chì*), không ù thì tính lần lượt theo bên tay phải được ưu tiên ù. Cuộc chơi ngày hôm đó, các con bạc quy Đ1 cách chơi là xuống 10 dịch 5, tức là nếu ai ù xuống (*Được tính 2 điểm*) thì được của những người chơi còn lại mỗi người 100.000 đ (*Một trăm nghìn đồng*), nếu ai ù có cước được tính từ 03 điểm trở lên thì mỗi điểm dịch 50.000đồng (*năm mươi nghìn đồng*)/ 01 điểm. Quá trình đánh bạc, người chơi quy Đ1 với nhau nếu ai ù to (*có cước sắc như ù Thập thành, bạch thủ chì, bạch thủ chì, bạch Đ1, tám đỏ...*) thì tự giác bỏ ra chiếu 50.000đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) là T2 chiếu (*Phế*) cho chủ nhà.

* Về vật chứng thu giữ:

- Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 03 (ba) bộ bài chấn, mỗi bộ gồm 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sứ; Số T2 61.060.000đồng (*sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5,

màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện P T để bảo quản, chờ xem xét giải quyết theo quy Đ1 của pháp luật.

- Đối với số T2 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) thu giữ trên người bị can Đỗ Đình D; số T2 5.970.000 đồng (*năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) thu giữ trên người Nguyễn Văn Biên; số T2 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) thu trên người Nguyễn Khắc Đạt; số T2 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) thu trên người Trần Dy Hải; số T2 1.060.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) thu trên người Ngô Văn Chát; Tổng cộng: 21.630.000 đồng (*hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*). Quá trình điều tra xác Đ1 không liên quan đến việc đánh bạc, nên ngày 18/6/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho Đỗ Đình D, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Khắc Đạt, Trần Dy Hải, Ngô Văn Chát.

- Đối với: + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20 màu xanh, thu giữ của Nguyễn Văn D;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám, thu giữ của Nguyễn Đ T;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, thu giữ của Nguyễn Văn Nghị;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn T2;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu vàng đồng, thu giữ của Phan Văn C;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu bạc, thu giữ của Nguyễn Văn Biên;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu vàng, thu giữ của Nguyễn Khắc Đạt;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc, thu giữ của Nguyễn Thế Minh;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám, thu giữ của Ngô Văn Chát;

Cơ quan điều tra làm rõ nguồn gốc T sản, chủ sở H2, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên ngày 18/6/2019 đã trả lại toàn bộ số T sản nêu trên cho chủ sở H2.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT – VKS, ngày 22/7/3019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Đình D về tội “*Gá bạc*” theo quy Đ1

tại điểm b,c khoản 1 Điều 322 BLHS; Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C, Nguyễn Đ D về tội “*Đánh bạc*” theo quy Đ1 tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T giữ nguyên quyết Đ1 truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử T3 bố bị cáo Đỗ Đình D phạm tội “*Gá bạc*”; Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C, Nguyễn Đ D phạm tội “*Đánh bạc*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử Đỗ Đình D từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 đến 36 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử Nguyễn Đ D từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử Phan Văn C từ 6 đến 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ những ngày tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T2 (tức T3); Nguyễn Đ T; Nguyễn Dy Huy; Phí Đình Đ1 và Nguyễn Văn Nghị.

Xử:

+ Nguyễn Văn T2 (tức T3) từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Đ T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Phí Đình Đ1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Dy Huy từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Văn Nghị từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử Nguyễn Văn D từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

*/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại Nguyễn Văn D số T2 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 03 (ba) bộ bài chắn, mỗi bộ gồm 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sú.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng thu của Đỗ Đình D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng thu của Phí Đình Đ1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F, màu trắng thu của Nguyễn Đ D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu

iPhone 5, màu trắng Trần Dy Hải và số T2 58.010.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Các Bị cáo phải chịu án phí theo quy Đ1 của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ1 như sau:

[1].Trưa ngày 01/04/2019, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C và Nguyễn Đ D đã tụ tập đánh bạc sát phạt nhau B T2 dưới hình thức đánh Tá lả và đánh Chấn trên hai chiếu bạc riêng biệt cùng một lúc, tại nơi ở của Đỗ Đình D thuộc Cụm 1, xã H H, huyện P T, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, thì bị Công an huyện P T phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

Tại chiếu đánh Tá lả: 01(một) bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 quân bài và số T2 trên chiếu là 19.810.000 đồng, số T2 trên người các đối tượng là 4.450.000 đồng; Kết quả điều tra xác Đ1 số T2 dùng đánh bạc là 24.260.000 đồng.

Tại chiếu đánh Chấn: 03 (ba) bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sành sứ và số T2 trên chiếu là 23.800.000đồng, số T2 thu trên người các đối tượng là 13.000.000 đồng; Kết quả điều tra xác Đ1 số T2 dùng đánh bạc là 36.800.000 đồng.

Đối với Đỗ Đình D là chủ nhà, đã dùng nơi ở của mình để cho 08 đối tượng đánh bạc trên 02 chiếu bạc riêng biệt (mỗi chiếu bốn người) trong cùng một lúc, số T2 dùng đánh bạc trên 5.000.000 đồng/chiếu.

Hành vi của bị cáo Đỗ Đình D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Gá bạc” và các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C và Nguyễn Đ D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc”.

Vì vậy,Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Đỗ Đình D về tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C và Nguyễn Đ D về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] . Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, từ tệ nạn cơ bạc làm phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội hoặc có thể làm

phát sinh các tội phạm khác như lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản, ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội và hạnh P gia đình.

[3]. Tuy nhiên, khi quyết Đ1 hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết Đ1 hình phạt phù hợp với quy Đ1 của pháp luật.

Đây là vụ án đánh bạc có tính chất đồng phạm đơn giản, các bị cáo đều là người thực hành, vụ việc đánh bạc xảy ra vào ngày tiệc làng nên các bị cáo có phần ham chơi không nghĩ đến hậu quả, trong khi đánh bạc không có người canh gác bảo vệ, không có hoạt động cho vay lãi.

Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Hầu hết các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo.

[4]. Về vai trò của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Đỗ Đình D tuy không tham gia đánh bạc nhưng là chủ nhà, đã dùng nơi ở của mình để cho 08 đối tượng đánh bạc trên 02 chiếu bạc riêng biệt (mỗi chiếu bốn người) trong cùng một lúc, số T2 dùng đánh bạc trên 20.000.000 đồng/chiếu. Ngoài ra, Đỗ Đình D còn chia bài giúp cho các đối tượng đánh chắn 02 ván đầu tiên. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Đỗ Đình D. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo lần đầu tiên phạm tội, việc cho các bị cáo đánh bạc cũng dựa vào ngày tiệc của làng nên mới cho các con bạc chơi tại nơi ở của mình không nhằm mục đích thu T2 phé và thực tế cũng chưa thu được T2 phé. Bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đ D đã sử dụng T2 vào việc đánh bạc nhiều nhất nên cũng phải có hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có T2 án, T2 sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp.

Bị cáo Phan Văn C tham gia đánh bạc với số T2 5.000.000đ. Ngày 11/12/2008, bị Tòa án nhân dân huyện T3 T4, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước, đến ngày 04/04/2019, Phan Văn C mới nộp xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng và 3.000.000đồng T2 phạt bổ sung nên bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là trường hợp tái phạm. Bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà còn

tiếp tục vi phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt bị cáo C cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn T2 sử dụng 7.000.000đ; Nguyễn Đ T sử dụng 6.900.000đ; Phí Đình Đình sử dụng 6.500.000đ; Nguyễn Dy Huy sử dụng 5.300.000đ; và Nguyễn Văn Nghị sử dụng 4.500.000đ vào việc đánh bạc. Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có T2 án, T2 sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy Đ1 tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục vừa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và cũng đủ tính răn đe đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D có khoảng 5.000.000đ. Trong quá trình đánh bạc bị cáo D sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc còn 3.000.000đ bị cáo vẫn để trong ví. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều nhất quán khai chỉ sử dụng 2 triệu đánh bạc, nếu thua hết 2 triệu cũng không lấy T2 trong ví ra chơi nữa. Vì vậy, kết luận bị cáo Nguyễn Văn D chỉ dùng 2.000.000đ vào việc đánh bạc. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tham gia đánh bạc với số T2 ít nhất nên chỉ cần phạt bị cáo B T2 là hình thức phạt chính là phù hợp với quy Đ1 của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là thành phần lao động chính trong gia đình, đều là lao động tự do và có thu nhập không ổn Đ1 nên Hội đồng xét xử không phạt T2 bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số T2 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) thu Đỗ Đình D; số T2 5.970.000 đồng (*năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) thu Nguyễn Văn Biên; số T2 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) thu Nguyễn Khắc Đạt; số T2 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) thu Trần Dy Hải; số T2 1.060.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) thu Ngô Văn Chất và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20 màu xanh, thu giữ của Nguyễn Văn D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám, thu giữ của Nguyễn Đ T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, thu giữ của Nguyễn Văn Nghị; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X

màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu vàng đồng, thu giữ của Phan Văn C; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu bạc, thu giữ của Nguyễn Văn Biên; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu vàng, thu giữ của Nguyễn Khắc Đạt; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc, thu giữ của Nguyễn Thế Minh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám, thu giữ của Ngô Văn Chất. Cơ quan điều tra làm rõ nguồn gốc T sản, chủ sở H2, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên đã trả lại toàn bộ số T sản nêu trên cho chủ sở H2, nay không ai có ý kiến gì, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 03 (ba) bộ bài chắn, mỗi bộ gồm 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sứ. Đây là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc và không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng là phương tiện để Đỗ Đình D, Phí Đình Đ1, Nguyễn Đ D và Trần Dy Hải gọi điện liên lạc đến tham gia đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số T2 61.060.000đồng (*sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó có 3.050.000đ thu trong ví của Nguyễn Văn D, không chứng minh được bị cáo D sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo. Còn lại số T2 58.010.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về tố tụng: Các quyết Đ1 tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện P T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy Đ1 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ1 của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ1 của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện đúng quy Đ1 của pháp luật.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy Đ1 của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b,c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đỗ Đình D 15** (Mười lăm) tháng tù về tội: “Gá bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày T3 án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321 điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Đ D 12** (Mười hai) tháng tù về tội: “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày T3 án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Đình D và Nguyễn Đ D cho UBND xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi làm việc, nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ1 của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ1 buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phan Văn C 06** (Sáu) tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/4/2019 đến ngày 04/4/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T2 (tức T3); Nguyễn Đ T; Nguyễn Dy Huy; Phí Đình Đ1 và Nguyễn Văn Nghị.

Xử phạt:

- **Nguyễn Văn T2 (tức T3) 18** (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”.

- **Nguyễn Đ T 15** (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”.

- **Phí Đình Đ1 12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 01/4/2019 đến ngày 04/4/2019) B 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

- **Nguyễn Dy Huy 09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 01/4/2019 đến ngày 04/4/2019) B 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

- **Nguyễn Văn Nghị 09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 01/4/2019 đến ngày 04/4/2019) B 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết Đ1 thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T2 (tức T3); Nguyễn Đ T và Nguyễn Văn Nghị cho UBND xã H H, huyện P T, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Dy Huy cho UBND thị trấn Q O, huyện Q O, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phí Đình Đ1 cho UBND xã D4 Liễu, huyện H1 Đ, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Văn D: 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

6. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại Nguyễn Văn D số T2 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 03 (ba) bộ bài chắn, mỗi bộ gồm 100 quân bài; 01 (một) đĩa B sú.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng thu của Đỗ Đình D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng thu của Phí Đình Đ1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F, màu trắng thu của Nguyễn Đ D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng Trần Dy Hải và số T2 58.010.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

(Vật chứng được lưu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P T, Thành phố Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng và Giấy nộp T2 vào T khoản lập ngày 23/7/2019).

7. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội:

Buộc các bị cáo Đỗ Đình D; Nguyễn Văn D, Nguyễn Đ T, Nguyễn Dy Huy, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn T2, Phí Đình Đ1, Phan Văn C và Nguyễn Đ D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T3 án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đ Ngọc

